

Số: 24/2025/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 04 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Cao Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: K500/42/18 Tôn Đ, tổ 44, phường Hòa P, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1980; địa chỉ: K221/4 Tôn Đ, tổ 18, phường Hòa A, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Các đương sự đã tự thỏa thuận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị X thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị X xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Thanh N, sinh ngày: 17/11/2023. Ly hôn, ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị X tự nguyện thỏa thuận:

Giao hai con chung là cháu Cao Thanh N, sinh ngày: 17/11/2023 cho ông Cao Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị X xác định: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị X xác định: Không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng, ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị X mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông T và bà X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0009445 ngày 08/01/2025. Ông T và bà X đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị X thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Cao Thanh N, sinh ngày: 17/11/2023 cho cho ông Cao Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Không có.

4. *Về nợ chung:* Không có.

II. *Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng,* ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị X mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông T và bà X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0009445 ngày 08/01/2025. Ông T và bà X đã nộp đủ lệ phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa P, quận Cẩm Lệ
(Đăng ký kết hôn số 97 ngày 14/11/2023);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Anh

